

TẾT NHÂM THÌN

(2012)

Việt Nhân

Tết Nguyên Đán là Lễ Tiết đầu tiên của năm bắt đầu từ lúc Giao thừa với Lễ Trừ tịch. Mỗi năm bắt đầu từ lúc Giao thừa và cũng lại hết vào lúc Giao thừa. Giao thừa là lúc năm cũ qua đi năm mới bắt đầu, tức là lúc bàn giao giữa năm cũ và năm mới, là thời khắc “ tổng cựu nghinh tân “. Trừ tịch là giờ phút cuối cùng của năm cũ, bắt đầu qua năm mới, giữa giờ Hợi ngày 30, nếu tháng thiếu thì ngày 29 tháng Chạp năm trước và giờ Tý ngày mồng Một tháng Giêng năm sau.

Nguyên là bắt đầu, Đán là buổi sớm mai. Tết Nguyên Đán là Tết bắt đầu năm, mở đầu cho một năm mới. Tết là tiếng trại của chữ Tiết, nghĩa là Thời tiết thay đổi theo chu kỳ hàng năm, mỗi chu kỳ bắt đầu từ mùa Xuân, qua Hạ, tới Thu sang Đông. Mùa Xuân là mùa của cây cối đâm chồi nảy lộc, vũ trụ được khoác một áo mới muôn màu muôn sắc. Mùa Hạ là mùa của tăng trưởng với muôn vầng hoa trái, mùa Thu là mùa của cây cỏ vàng úa suy tàn, và mùa Đông là mùa hủy diệt héo khô, nhưng không phải héo khô để mà bị hủy diệt, mà là tích lũy sức sống để bắt đầu cho một mùa Xuân mới. Đó là chu kỳ của bốn mùa: Sinh, Thành, Suy, Hủy. Quả Đất cứ vắn xoay quanh mặt trời sinh ra tứ thời bát tiết, rồi cứ thế mà xoay vắn không thôi, gây ra bao nhiêu đổi thay huyền diệu trên mặt Địa cầu.

Mùa Xuân thì mọi cảnh vật đều đổi mới, tươi vui, bắt đầu cho một chu kỳ đầy sức sống, nhịp theo tiết của Trời Đất con người cũng vui mừng nhộn nhịp đón chào Chúa Xuân sang với bao nhiêu là sinh hoạt tưng bừng, trước đây những sinh hoạt đón Tết được bắt đầu từ tháng Chạp năm trước cho đến cuối tháng Giêng năm sau. Sau mùa Đông lãnh lẽo tiêu điều, tới mùa Xuân muôn vật lại bừng lên sức sống. Là “ Nhân linh vạn vật “ con người cũng vui Xuân hoà nhịp cùng Trời Đất theo thời gian mà Đổi mới làm cho cuộc sống đầy ý nghĩa .

Có Quả Đất cùng các tinh cầu có hiển lộ ta mới nhận ra không gian, có hai Điểm quy chiếu trong không gian ta mới có khoảng cách, và nhờ sự di chuyển của một vật trong khoảng cách đó ta nhận ra Tốc độ và mới có ý niệm về Thời gian ($d= vt$, d :distance, v : speed, t : time). Không có không gian thì vật chất không có chỗ để hiện diện, để tồn tại, không có sự di chuyển thì đâu nhận ra Thời gian, không có Thời gian thì đâu có sự biến đổi của muôn loài, như vậy đâu có được mùa Xuân. Thời gian quả là cái gì vi diệu nhiệm màu. Người Phật giáo cho Thời gian gây ra oan trái nghiệp chướng, vì nó Vô thường, nay có mai không, nguyên nhân gây ra khổ đau nghiệp chướng, người Tây Âu hình như quên lãng thời gian, còn Việt Nho thì nương theo cánh Thời gian mà biến đổi nhịp theo Thiên lý qua quan niệm :

“ Hai tiếng Thời gian đầy bí hiểm vì quá thân cận với con người. Đúng hơn đó là nguyên tố cấu tạo nên con Người và con Người chỉ tiến hóa khi nương theo cánh thời gian . Thế nhưng, không may con người lại quên chữ Thời, nên lâm cảnh trầm luân lung túng của những nàng Tiên xuống chơi hồng trần rồi bị dẫu mắt đôi cánh hạc, không còn thể trở lại chốn Thiên thai được nữa. Tự dấy con người chỉ biết Ở Đây mà quên mất Bây Giờ.

Vậy mà **Ở Đây** là một mảnh Không gian bé nhỏ bao quanh Cái Tôi còn bé nhỏ hơn nên gây ra riêng rẽ, hạn hẹp, ưa thích bám sát cá thể của cái Tôi, với các ý nghĩ nhỏ nhen của nó. Ngược lại cái **Bây Giờ** mới co dãn có thể bao la, lan ra khắp vũ trụ vì trong **Lúc Bây** tôi có thể suy nghĩ tới cả vũ hoàn với cả bầu trời bao la, với cả vũ trụ. Vì tuy không ở đây nhưng tất cả muôn triệu tinh tú, triệu ức tinh hà đang hiện có thực **Bây Giờ**. Vì thế mà **Bây Giờ** rộng hơn **Ở Đây** vô kể. Nói khác hơn Thời gian có khả năng co dãn hơn Không gian vô ngần, có sức giúp con người Tiến hoá biến dịch. Quên chữ Thời cũng là quên **Biến dịch, quên Biến hoá. Nên quên Chữ Thời là tự giam mình trong những giới mốc hoàn toàn Không gian ở đây bé nhỏ co quắp**. Hôm nay khởi công học Chữ Thời là muốn chấp lại đôi cánh Tiên nương hầu bay lượn trong bao la man mác vậy.”

(Chữ Thời : Tựa. Kim Định).

II.- Chu kỳ Ngày, Tháng, Năm, Mùa

Trong cuộc sống hàng ngày ta thấy cứ Ngày sang Đêm tuần tự trôi qua, đến Tháng với hết trăng khuyết sang trăng tròn, rồi đến năm với Xuân, Hạ, Thu, Đông. Sở dĩ có chu kỳ như vậy là vì Mặt Trăng quay quanh Quả Đất tạo ra Ngày Đêm, Quả Đất và Mặt Trăng lại quay quanh Mặt Trời và Tinh tú tạo ra Tháng và bốn Mùa. Không gian và Thời gian là môi trường trong đó vạn vật biến đổi theo Chu kỳ Sinh, Thành, Suy, Hủy. Tuy là một sinh vật cao quý nhất con Người cũng bị chi phối bởi luật tuần hoàn. Giai đoạn Sinh là giai đoạn từ khi mới sinh cho đến lúc lớn lên, con Người cũng phải nương theo Thời gian mà biến hoá mà trưởng thành. Sinh, Thành là hai giai đoạn giúp tăng trưởng cho đến cao độ, đến giai đoạn Suy thì bắt đầu suy thoái, Hủy là giai đoạn hủy diệt, con người cũng phải nương theo Thời gian mà suy hủy nhịp theo mà trở về cát bụi, chu kỳ của con người là 100 năm, có vật thì chỉ xuất hiện và biến mất trong từng sát na, có thứ thì kéo dài hàng mấy chục ngàn năm như ngôi sao Đỏ.

*Không bám theo thời gian mà nhịp theo biến hoá thì cuộc sống bị ngưng đọng. Giống như diễn viên trên sân khấu, con Người phải bắt đầu và tuần tự diễn vai trò của mình, phải liên tục trình diễn vai trò. Suốt đời, mỗi người là một diễn viên, mỗi diễn viên đóng một vai trò khác nhau. Vai trò cao quý hay sứ mạng của con người là đồng diễn hai vở tuồng: Vở tuồng thứ nhất là liên tục “ **Hoàn Thiện mọi việc Làm** “ từ việc nhỏ tới to, từ việc tư đến việc công, sao cho ngày một tăng tiến. Vở tuồng thứ hai là luôn “ **cư xử Hải Hòa với mọi Người**”, không những Hoà với con Người mà còn Nhịp với vũ trụ nữa, để sao cho “ Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa “, có như thế con người mới thăng hoa được cuộc sống, nếu không thì cuộc đời trở nên mất hết ý nghĩa. Có làm trọn được hai sứ mạng quan trọng “ Hoàn thiện “ trên thì con người mới cảm thấy hạnh phúc, khi cuộc sống mất hạnh phúc là khi diễn vai trò không xuôi. Khi đạt Hạnh phúc thì người ta ví von là con người đã tung theo cánh hạc lên non cao thành Tiên và thu nhỏ cánh như chim cánh cụt lặn xuống biển Sâu thành Rồng để sống cho Tình Lý hài hòa. Mỗi lần mùa Xuân sang là mỗi lần nhắc nhở con người nhịp theo Thời gian mà lo un đúc cho mình một sức sống mới mà vươn lên đỉnh cao của Tam cương: Nhân, Trí, Dũng. Dũng đây không chỉ vào việc coi nhẹ mạng sống như lông hồng ngoài trận mạc, mà còn là kiên trì sống hài hoà giữa Nhân (Lòng Nhân ái) và Trí (Lễ Công chính) hàng ngày suốt đời, mục đích là sống Hòa với mọi người. Đó mới chỉ là cùng đích của cuộc sống hạnh phúc tương đối ở đời.*

Vì đánh mất những viên ngọc quý Tam cương đó mà Dân tộc chúng ta ngày nay đang đứng tên bờ vực thẳm của kiếp sống Tôi đời! Xem thế thì Thời gian quan trọng bậc nào tới đời sống con Người.

II.-Tầm quan trọng của Cơ cấu Thời gian

“ Nói đến cơ cấu Thời gian là bàn đến những điều rất tế vi không thể dùng Giác quan mà thấy được, nhưng phải dùng đến Thanh tâm lọc mới nhận ra. Bởi chúng ta không biết được Thời gian được trực tiếp như Không gian, nhưng biết qua những sự biến động của vạn vật, sự vận hành của tinh sao, sự đắp đổi Sáng Tối Ngày Đêm, “ Tứ thời “. Nhưng vật là gì, ánh sáng là gì, Tứ thời là gì? Ta không biết, mà chỉ có những ý niệm ờ về Thời gian qua những sự cảm nhận do sự di chuyển của vạn vật, của ánh sáng. . . Những ý niệm đó được sắp đặt cái nọ liền với cái kia tạo ra cho chúng ta cơ cấu thời gian. Như thế cơ cấu Thời gian chỉ là sản phẩm của cảm xúc của lý trí, coi như không liên hệ với sự vật vì nó thay đổi tùy theo ý niệm của từng người, từng nền văn minh.

Nhưng chính vì thế mà nó lại có một mối liên hệ mật thiết với sinh mệnh của mỗi cá nhân cũng như của mỗi xã hội, nên nó mang theo một tầm quan trọng vô biên.

Trước hết vì Thời gian cũng như Không gian là **vấn đề bao quát tổng hợp hơn hết** đến nỗi ta không thể quan niệm một biến cố hay một vật thể nào mà không nằm trong Không gian và Thời gian. Cho nên có được một cơ cấu trung thực về Thời gian là có được chìa khóa vạn năng mở được hết ngõ bí cho mọi vấn đề rắc rối trong triết học. Việc giải quyết chỉ còn là nghệ thuật áp dụng cơ cấu thời gian cách đúng mức vào những vấn đề thay đổi khác nhau. Ngược lại cơ cấu thời gian đã sai thì hết mọi vấn đề trong triết lý đều đổ vỡ hết trơn. Nhà dốt từ óc không thể chữa, nếu trước hết không chữa lại cái óc là cơ cấu Thời gian. Chính vì thế **mà cơ cấu Thời gian trong mỗi nền triết thuyết là thước đo chính xác hơn hết về tầm mức cao thấp của nền triết thuyết đó, chứ không phải là văn đẹp ý hay. Cái đó chỉ là trang trí bề ngoài.**

Lý do thứ hai là **Thời gian có tính cách cơ dãn**: Kể từ Thời gian đồng đều do đó đếm được như không gian, qua thời gian Tương đối thuyết như thuyết Einstein. Trên nữa là giấc mơ tiên, mơ thần xảy ra trong một lúc mà người mơ tưởng như là trăm năm, ngàn năm. . . , ta có thể cảm nghiệm được hoặc nhận xét qua những phút sáng tạo: Thí dụ chỉ bằng một cái nhìn trực giác, bậc hiền triết có thể nhận ra những chân lý mà hằng bao thế kỷ lý luận (tức theo thời gian đo đếm có trước có sau) không sao tìm được.

Lý do thứ ba là **sự cơ dãn đó lại nằm trong quyền lực con người**, trước hết kể từ giác cảm trở lên. Cũng là một tảng đá nằm bên đường, một người tưởng đó là con hổ đang rình (kiến tâm thạch dĩ vi phục hổ dã) nên toát mồ hôi, về nhà bệnh đến bạc cả tóc, có thể tồn thọ mất ít năm. Ngược lại người nhìn ra là tảng đá có thể ghé vào nghỉ chân, nếu lại gặp bạn đi qua ngồi lại để cùng hàn huyên thì còn khỏe nữa: tâm hồn thanh thản, thể xác an lành, có thể sống lâu thêm. Khác nhau như thế chỉ vì cái nhìn trúng hay trật. Nhìn trúng sẽ biến đổi đời sống biết bao. Vì thế cần biết cách tinh lọc cái nhìn. Khi cái nhìn đã đạt độ tinh lọc cùng cực, thì sẽ như thần, có thể nhìn ra “ Cơ Trời “ là chỗ hướng tới của con người học chữ THỜI. Vì Cơ chính là của Trời, của Đạo thể, Tính thể mà cứu cánh con người phải tìm đến đó bằng cách noi theo những vết chân, những dấu tích, mà không có dấu tích nào đưa về với Tính Thể Viên Dung, đưa về dòng sống sinh sinh bằng chữ Thời. Nên khi suy niệm, Khổng Tử không còn muốn nói nữa “ **Dur đực vô ngôn** ” . Thưa thầy, nếu thế thì làm sao con hiểu được Đạo của Thầy? Thưa rằng: Có khó chi đâu, chỉ việc suy về chữ Thời: “ **Tứ thời hành yên, bá vật sinh yên, Thiên hà ngôn tai** “ (LN. XVII. 18). Trời có nói chi đâu, chỉ ần ần, hiện hiện, không ai thấy bóng hình, mà chỉ thấy dấu vết, thấy tác động qua vận hành của bốn mùa, thế mà bách vật đều nảy nở sinh sôi. Làn sóng bất tuyệt như tóa ra từ những dấu chân của Tính thể, người học triết muốn cho linh động, muốn cho

triết lý mình học được chứa nhiều chất sống chỉ việc ngắm tứ thời như mốc chỉ đường về **căn Tính của mình, cũng chính là Đạo Thể Viên Dung.**

Đó là bài học chữ Thời của bậc hiền triết xa xưa. Nhưng ngày nay văn minh càng tiến bộ thì con người càng sống xa Thời thiên nhiên với hoa Xuân nắng Hạ, với thâu hoạch ở Thu và tàng ẩn ở Đông, nghĩa là càng xa cái Tiết nhịp co dãn uyển chuyển, không còn dịp để xem trăng lên ngắm hoa nở ngoài đồng nội, hít đây phôi hương lúa Đồng Nai.

Trái lại ngày nay chỉ còn phải sống theo nhịp máy móc của đồng hồ, cũng đo đếm tính toán y hệt như không gian đều đặn, thì chữ Thời không còn giữ được vai trò trung gian để làm nhịp cầu đưa con người có xác thân trong Không gian đi về cùng Tính thể vô Thanh, vô Xú, vô Ảnh, vô Hình. Đó là hiện trạng đáng ái ngại, nhưng đó cũng có thể là một lý do khuyến khích ta **phải tìm hiểu chữ Thời của Kinh Dịch, là thời gian nhịp theo Tiết diệu căn cơ, tức là Âm Dương, Sáng Tối, Động Tĩnh và được chia nhỏ dần ra, trước hết là Tứ thời, rồi đến Bát tiết, đoạn 28 tiết nhỏ nữa để cho dễ noi theo.** Và nhờ sự học hỏi đó chúng ta hy vọng gặp nhiều may mắn hơn để hiểu và thực hiện câu Kinh Dịch: “**Tùy thời chi nghĩa đại hĩ tai** “. Thời là Tính, tùy Thời, tùy Tính là Xuất Tính, mà “**Xuất Tính vị chi Đạo** “ , nên tùy Thời cũng là tùy đạo. Còn **Nghĩa** là nghi, là thích nghi vì chữ Thời rất co dãn uyển chuyển từ Không Thời gian rồi Siêu Thời đến Hoà Thời là cả một âm giai tế vi phong phú để có thể sống hòa nhịp với muôn hiện trạng, mỗi lần một khác. Biết áp dụng cho mỗi biến cố một lối hành xử là cả một công trình tuyệt diệu. Vì thế khi Tiên Nho muốn xung tụng tài đức của Khổng Tử không còn tìm được danh hiệu nào xứng hơn là “**Thánh chi Thời** “, nghĩa là hiền triết đạt độ “**làm chủ được chữ Thời**” vậy.”.

III.- Phương cách ghi Thời gian hay Quy Lịch

1.- Nhật, Nguyệt, Tinh Thần

“ Có lẽ không đâu bằng ở lịch số chúng ta thấy rõ hai quan niệm Thời Không Đông Tây khác nhau, vì lịch là một thứ Thời gian có tính cách xã hội (temps civil) được xác định như là những thể chế, nhuần lịch hơn thời gian vũ trụ (temps cosmique) đã nói ở trên, tuy đã phân minh nhưng chưa hiện hình vào thể chế. Vì vậy học về lịch càng hiểu rõ hơn cơ cấu thời gian của mỗi nền Văn minh.

Lịch là một thể chế quan trọng nơi các dân tộc cổ đại, nó thường đi liền với các Tôn giáo để làm nhịp cho cuộc sống bằng các quy định những ngày Hội hè Lễ lạy trong năm, vì thế nó rất giàu khả năng biểu thị cơ cấu Thời gian có tính cách xã hội với rất nhiều ý nghĩa nhân vi mọc như như tâm gợi trên thời gian vũ trụ.

Nhất là bên Viễn Đông quê hương của nền Văn hoá Nông nghiệp, là Văn hoá chú ý tới lịch như nhịp sống. Vì thế mà nền triết lý của nó lấy “ Thái Hòa “ là chỗ đạt Đạo Đức tức là Người sống hợp với Trời Đất.

Cho nên việc sống theo Thời gian trở thành điều tối quan trọng. Trong thực tế việc ghi Thời gian biểu lộ ý hướng Thái Hòa kia, do đó lịch số chiếm một địa vị vượt xa các thể chế khác. Bởi vậy khảo cứu lịch chính là khảo cứu triết lý về khía cạnh xã hội cụ thể, như thể chế và thiên văn là khoa học có tính cách chính xác. Vì lịch bao giờ cũng đi đôi với Thiên văn, một khoa học đã được thành lập nhằm mục đích đo lường Thời gian, cho nên nói đến lịch số (Lịch là trải qua) là nói đến số độ trên đường diễn tiến vận hành của thời khắc.

Với Viễn Đông thì bản văn cổ đại nhất liên quan đến thiên văn lịch số là thiên Nghiêu điển mở đầu Kinh Thư. Có thể nói đó là kết quả cuối cùng của một sự suy tư tìm kiếm đã kéo dài không biết bao nhiêu thế kỷ xa trước, và kết tinh lại nơi đây nên đáng cho ta nghiên cứu kỹ lưỡng. Vậy phương pháp của nó lấy ngày Xuân- Phân, Thu- Phân, Hạ - Chí, Đông – Chí vào 6 giờ chiều lúc

mặt trời lặn, xem ngôi sao nào mọc ở phương Nam mà quy định thời tiết mỗi mùa. Nghiêu điển đưa ra một bản văn mà then chốt rút gọn như sau:

Nhật trung tinh Diệu dĩ ấn Trung – Xuân: Khi ngày bằng đêm thì lấy sao Diệu để ấn định Xuân – Phân.

Nhật vĩnh tinh Hỏa dĩ chính Trung – Hạ: Khi ngày dài thì lấy sao Hỏa để định Hạ-Chí.

Dạ trung tinh Hư dĩ chính Trung – thu: Khi ngày đêm dài ngang nhau thì lấy sao Hư để định Trung – Thu.

Dạ vĩnh tinh Mão dĩ định Trung – Đông: Khi đêm dài thì lấy sao Mão để định Đông-Chí.

Như thế một năm có 366 ngày. Dùng tháng nhuận cho hợp thời tiết.

Bản văn trên đây không những là nền móng cho lịch pháp Viễn Đông, nhưng đồng thời bao hàm một nền triết lý đặc trưng nên hiểu sai thì ngộ nhận luôn cả nền triết lý xây nên nó. Nhưng không may đó là việc đã xảy ra, cho nên mới có những học giả rất thành tâm và đầy thiện chí như Chavannes mà không nắm nổi then chốt (S. 559) ,nói chỉ đến những người như Legge, Chalmers, Schlegel, Whitney. . .nặng óc thành kiến đến nỗi De Saussure sau hơn 20 năm nghiên cứu tỉ mỉ về nền thiên văn lịch pháp Viễn Đông đã phải thốt lên rằng: Thật là một cuồng phong đã thổi trên những tranh luận về văn bản Nghiêu điển: “ Un vent de folie semble avoir soufflé sur les discussions des fameuses Nghiêu Điển ”.

Những sự vô ý hiểu lầm hoặc cố ý xuyên tạc đã làm hư cả gần một thế kỷ nghiên cứu. Lý do chỉ vì một điểm nhỏ xíu, nhưng lại là đặc tính của Đông phương: **Một bên lịch pháp của Tây phương theo hệ thống hàng ngang, bên này Viễn Đông theo hệ thống hàng dọc.** Nhưng khi đọc hầu hết để trôi qua, không nhận ra chỗ khác biệt đó.”

2.- Hai yếu tố quan trọng của Lịch

“ Muốn hiểu bản chất lịch pháp nên chú trọng đến những điểm sau:

1.- Trước hết là hai yếu tố then chốt trong việc làm lịch, tức là:

* **Quảng thời gian một Năm**

* **Khởi điểm của Năm**

Cả hai yếu tố đi liền với những thiên thể được dùng làm lợi khí đo lường và báo hiệu khởi điểm của năm, **nếu dùng Nhật thì Dương lịch, dùng Nguyệt thì Âm lịch.. . .**

2.- Thứ đến là động cơ thúc đẩy thì có thể phân ra hai loại:

* Một là động cơ có thể **thuộc Tôn giáo** với mục đích quy định các ngày Lễ như ở Ai Cập, hay Roma cổ đại, nên lịch pháp thường do tư tế điều khiển.

* Hai là **Nhân vi ích dụng** để áp dụng để đáp ứng với việc ăn làm trồng tía, thu gặt, hoặc nữa để quy định giờ canh thức tuần phòng.

* Bà là **Nhân sinh** có tính cách triết lý tức là ngắm những vận hành thiên tượng để hành Đạo, như trường hợp Viễn Đông gồm cả ích dụng loại hai và cả Nhân sinh loại ba.

3.- Những lối tính Quảng Năm

“ Điểm đầu tiên là **quảng thời gian trong một Năm** cùng **ngày đầu Năm Lập Xuân**, nó liên hệ với nhau cũng như với thiên thể dùng làm căn cứ. Thiên thể là Mặt Trăng, Mặt Trời, và thứ đến là các sao -Tú - gọi là Thần. Thần là quảng thời gian của vòng trời chia 12 như Hoàng Đạo.

Nếu như dùng Mặt Trăng để đo Tháng có thể gọi là tiện, vì Tháng theo Tuần Trăng rất rõ ràng và thường là 28 ngày, nhưng dùng để Trăng đo năm lại rất dở vì chỉ sau 3, 4 năm đã thiếu đi một

tháng, nên không còn hợp với Thời tiết và đây là căn cứ sinh ra bao nhiêu rắc rối. **Có từng trăm thứ Lịch được nghĩ ra là cốt để giải quyết sao cho Năm và Tháng hợp nhau và hợp với Thời tiết, do đó mới nghĩ ra tháng Nhuận.**

Nhưng tháng Nhuận là một bước tiến cao lắm, nó giả thiết đã phải tiến đến chỗ dùng được Nhật và Tú. Người Ả Rập đã không dùng Nhật nên đầu năm của họ chạy lung tung cùng khắp các Mùa. Có lúc họ ăn Tết mùa Thu, lúc mùa Hạ, gọi là lịch du đãng (Calendrier vague) cứ 33 năm chạy hết một vòng Hoàng Đạo. Đó tạm gọi là lịch **Duy Âm** (Lunaire). Lịch Duy Âm còn quá thô sơ chưa định được khoảng thời gian một năm.

Thực ra có phương pháp gọi là Melton (Melton là một nhà thiên văn Hy Lạp vào thế kỷ thứ V B.C. khám phá ra hiện tượng cứ 19 năm thì mặt Trăng lại trở về chỗ cũ đối với mặt Trời và trái Đất, lấy số ngày trong 19 năm chia cho 19 lấy số đó làm số ngày trong năm. **Một tháng tính theo lối này là 29 ngày 12 giờ 14' 28''** G- 91.), nhưng đó là truyện mới khám phá về sau bên Tàu đời Tiền Hán, bên Hy Lạp thì được áp dụng do Hipparque, suýt soát đồng thời lối thế kỷ III B. C.

Nếu tiến lên một bước là dùng mặt Trời để đo quãng năm thì ta có thể gọi là **Duy Dương** Lịch Duy Dương có cái bất lợi là hy sinh mặt Trăng, tháng đi đằng thang, trăng đi đằng trắng và ngày rằm ngơ ngác nhìn cùng mà không thấy khuôn mặt tròn xoe của chị Hằng đâu cả. Thôi đành hy sinh như vậy để định khoảng năm trúng hơn vào lối 360 ngày, tức là thiếu đi gần 5 ngày. Người Roma đã theo lối Duy Dương này nên ngày Xuân Phân lùi mãi tính từ lúc lập thành ROMA đến năm 708, lùi hết 100 ngày và vì thế khó biết y cứ vào đâu mà tính quãng năm, nên người Roma cũng đã theo nhiều lịch. Trước hết theo **lịch Romulus có 10 tháng và một năm là 304 ngày, đến đời Tarquin thêm 2 tháng nữa là 355 ngày. Đến đời Jules César thì lùi lại 100 ngày và Jules đã phải sửa lại lịch gọi là lịch Julien.** Ông này đã theo đề nghị của Sosigène d'Alexandre căn cứ trên phương pháp Ai Cập đã ra lệnh sửa lại bằng cách cứ 4 năm thêm một ngày nhuận vào tháng Février. Còn chính năm sửa lịch (năm 708) thì cho dài thêm 100 ngày, nên người ta gọi là **năm lộn xộn** (année de confusion) xảy ra năm 45 B.C.. Năm đó mỏng một tháng Ba trở lại mỏng một tháng Giêng, nên có hai lần ba tháng Giêng, Hai, Ba, nên **dài ra 455**. Sửa như thế tưởng là tạm xong, nhưng năm 1232 Grosseteste với Bacon dựa trên những công trình nghiên cứu của người Ả Rập (Al Biruni năm 1000 và Ben Meshulam năm 1122) để viết quyển computus đã làm nổi bật sự sai lầm. Vì thế đã dẫn tới việc sửa lịch thứ hai do đức Hoàng Grégoire nên gọi là **lịch Grégorien**.

Sự sửa lịch gồm hai điểm:

1.- Rút bớt đi 10 ngày vào chính năm sửa lịch tức năm 1582 sau mỏng 4 October thì ngày hôm sau là 15, như thế tháng October năm đó chỉ có 20 ngày.

2.- Thêm vào mỗi thế kỷ suýt soát một ngày nhuận khác thường. Nhờ đó lịch Duy Dương tránh được sự chênh lệch quá đáng, tính ra một vạn năm mới chạy sai được có 3 ngày mà thôi. Như thế về quãng thời gian trong một năm kể là tạm yên, đó là lịch của Tây Âu, hiện đang trở nên quốc tế, nên chúng cần xét bản chất của nó.”

4.- Đường lối Dương lịch

“ Lịch của Tây phương bắt nguồn từ Chaldée truyền qua Hy Lạp, rồi sang Roma thì căn cứ vào những lúc mặt trời lặn (coucher héliaque) như thế là nền móng cho vòng Hoàng đạo (Zodiaque gọi là động vật đạo vì có 12 con vật biểu thị 12 tháng). Căn bản của Hoàng đạo là đi ngang và xéo (plan horizontal éclyptiques).

Ngang: Tức là không dùng sao bên Bắc hay Nam đối (constellations boréales et constellations australes) mà chỉ dùng các chòm sao xéo ở giữa (constellations éclyptiques) đối với con mắt thường là ở Chân trời, khi mặt trời lặn thì xuất hiện. Có tất cả 12 chòm theo 12 tháng.

Xéo: Éclyptique vì mặt trời đi xéo theo mùa từ Đông Chí tới Hạ Chí cách nhau 46 độ chứ không theo đường Xích đạo (tức đường phân trái Đất ra làm hai nửa Bắc Nam) nhưng đi xéo: **Những tháng Đông Chí thì mặt trời xuống thấp khỏi Xích đạo 23 độ, đó là lúc ngày vẫn nhất. Ca dao: “ Ngày tháng mười chưa cười đã tối. Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng “ . Đêm ngắn ngày dài vào lúc Hạ Chí, mặt trời lên cao khỏi Xích đạo 23 độ. Chỉ có hai lần đi đúng Xích đạo chia ngày đêm dài bằng nhau là Xuân Phân và Thu Phân. Còn từ Đông Chí tới Hạ Chí cách nhau 46 độ nên gọi là xéo.** Do đó không thể dùng những chòm sao mọc bên ngoài quãng 46 độ. Hơn thế nữa, ngay những chòm sao thuộc trung độ (trong vòng 46 độ) cũng chỉ dùng được chòm sao to vừa đủ để khỏi bị ánh sáng mặt trời át. Tuy nhiên cũng không thấy rõ hẳn đường ranh giới nên căn cứ vào chòm sao Hoàng cực này mà tính thì có thể sai chạy tới 5 ngày. Lỗi trong Nghiêu điển chỉ sai có ít phút do phương pháp gọi là Thời khắc (horaire).”

5.- Lịch Đông phương

“ Nếu lịch Tây phương gọi là Duy Dương vì ý cứ vào mặt Trời, thì lịch Viễn Đông gọi là Âm Dương tức là căn cứ trên cả mặt Trăng lẫn mặt Trời, và do đó lỗi dùng mặt Trời khác với Tây phương. **Tây phương dùng mặt Trời hàng Ngang, còn Đông phương lại dùng hàng Dọc (Kinh Tuyến)**.

Đại khái phương pháp là ý cứ trên những sao xung quanh Bắc cực (circompolire) gọi là vòng Dịch Chu thiên (Need. II 351) tức là quãng trong vòng 30 độ, tính từ sao Bắc Đẩu trở ra, rồi chia 4 cung, mỗi cung tương hợp với một ngôi sao đứng chủ: trong Nghiêu Điển là **Điểu, Hỏa, Hư, Mão đi với 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông**. Còn ở giữa gọi là **Trung cung dành cho sao Bắc Đẩu**. Lấy đuôi sao Đại Hùng (như nhắc đến trong Ca dao: “ Đêm đêm tưởng giải Ngân Hà. Chuôi sao Bắc Đẩu đã ba năm tròn “), làm như kim đồng hồ mà tính giờ. Rồi từ 4 cung Bắc cực đó mở rộng ra cả năm lấy 4 cung làm đích điểm cho bốn mùa. Hai mùa Đông Hạ theo mặt Trời, còn hai mùa Xuân, Thu theo hệ thống mặt Trăng, nên nói: “ **Đông Hạ chí Nhật, Xuân Thu chí Nguyệt. Dĩ biệt tứ thời chi tự (S. 590)**.

Lỗi này gọi là Kinh tuyến (meridian) tức là hàng Dọc lấy sao Bắc Đẩu trên đỉnh đầu làm căn bản. Tuy phương pháp còn thô sơ nhưng cũng cùng một hướng Kinh tuyến như ngày nay: đó là một **Nhật - Thời - kế** hay là Trắc ảnh (gomon) để đo độ các sao gặp nhau mà phân thời khắc. Khởi đầu Nhật - Thời - kế chỉ là một cái gậy dựng thẳng gọi là ty O (pieu vertical), về sau hoàn bị dần trở thành “ Máy Châu đôn ngọc “ như trong Kinh Thư nói về vua Thuấn: “ **Tại huyên cơ ngọc hoành, dĩ tề thất chính** “ Kinh Thư II 5 “. Dùng máy Châu (một quả cầu tròn = armilles) có một ống ngang bằng ngọc gọi là ngọc hoành để định vị trí cho bảy sao chính tức là Nhật Nguyệt (tượng Âm Dương) và 5 sao: Hỏa, Hư, Mão, Đẩu. Nghĩa là vua Thuấn đã làm cho một bầu trời nhân tạo có các vòng Xích đạo và Hoàng đạo với các Tinh tú bằng châu ngọc nạm vào các vị trí cân xứng có trục xoay bầu tròn để nhận ra sự chuyển động của các Tinh tú trên vòm trời. Trong phương pháp này cũng có hệ thống 28 sao gọi là “ Nhĩ thập bát tú “ để quy định vị trí của mặt trăng giữa các sao (lieu sidéral de la lune S. 544) . Hệ thống này có thể gia tăng độ chính xác do sự quy định thời điểm đến mức thay được cả đồng hồ nước.

Cũng theo phương pháp Kinh tuyến lấy Bắc Đẩu là trung tâm mà kéo dọc xuống tìm đến chòm sao nào vừa ý, miễn đúng với độ dọc là được. Do đó thành lập hệ thống sao tinh tế và chính xác

hơn hệ thống hàng Ngang, bị hạn cục vào những sao ở gần chỗ mặt trời lặn. Còn ở đây có thể dùng chòm sao rất nhỏ tùy ý vì không bị mặt Trời lặn át bởi nó ở xa. Đó là đại khái hệ thống hàng Dọc ngược chiều với hệ thống hàng Ngang của Tây Âu trước.

Hệ thống Dọc này là căn bản của Nhi thập bát tú mà De Saussure nhiều lần gọi là tài tình (Oeuvre génitale tr. 89 và Chef d'oeuvre 279) có một không hai trong nền thiên văn cổ đại, không những quy định được quãng Năm, nhưng cả quãng Tháng, quãng Tuần và Giờ. Đã thế lối xếp đặt lại còn bao hàm được cả triết lý tức là mỗi mùa có 7 sao thì tháng đầu 2 sao, tháng giữa 3, tháng cuối 2 thành ra con số 7 với ý nghĩa sâu xa của nó. (28 sao (tú) chia 4 chòm 7 sao một)

De Saussure ca ngợi lối xếp đặt này là khoa học và rất thâm sâu về ý nghĩa (xem s.110). Đó là phương pháp dọc thường gọi là âm-lich mà thực ra là âm-dương-lich, hay nói theo thiên thể thì là Nhật-Nguyệt-Tinh (tú): solaire-lunaire stellaire có khả năng quy-định nổi khoảng thời gian một năm là 364, 1/4, và dùng tháng nhuận để điều chỉnh chỗ sai chạy. Quách-Thủ-Kính đời Tống so sánh trước sau và xác định quãng năm là 365, 5 giờ 49' 12". Theo thiên văn hiện đại là 365, 5 giờ 48' 6/10". Sự cách biệt chỉ còn trong vòng một phút chứ không 5 ngày như lối Hoàng-Đạo. Cho nên De Saussure nói: "điều đáng ngạc nhiên không ở chỗ người Trung Hoa sớm thủ đắc lối kinh-tuyến nhưng là ở chỗ Tây-Phương để lâu ngày mới nhận ra sự lợi hại. Vì vậy, thiên văn Trung Hoa đã bỏ xa Tây Âu trên con đường mà sau này Romer đã mở và Bradle đã đẩy đến những kết quả sáng lạn như nay khiến các nhà khảo cứu thời nay khó nhận ra giá trị của lối Nghiêu-Điền, nên đã xếp vào cùng một loại, bắt theo cùng một phạm trù hai thứ lịch khác nhau đã bàn trước = ta được chứng kiến một sự áp dụng thực là đặc sắc cụ thể. Faute d'avoir remarqué l'importance du repère dans la genèse du calendrier on s'en est tenu, en fait de classification aux qualitatifs lunaire et solaire don't l'insuffisance a conduit à l'adoption du moyen terme lunaire solaire appliqué à tout calendrier intercalaire ce qui met le comble à la confusion à telle enseigne que le calendrier des Romains est alors porté sur la même ligne que celui des Chinois, lesquels sont en réalité parvenus au stade supérieur deux mille ans avant les Grecs et les Romains S. 118 ."

6. Tính chất triết lý trong lịch Âm Dương

“ Khi Nhan Uyên hỏi Khổng Tử về việc trị nước thì ông trả lời " **theo lịch nhà Hạ, đi xe kiệu nhà Ân, đội mũ kiệu nhà Chu. Nhạc thì theo Thiệu của "vua Vũ".** Với Tây phương thời gian được quan niệm như cái gì đứng bên ngoài sự vật nên lịch bớt đi rất nhiều tính cách quan trọng và dọc dài qua 25 thế kỷ chỉ thấy có hai lần trị lịch" gọi là Julien và Grégorien mà thôi. Ngược lại Đông Phương cho việc trị lịch là vấn đề có liên hệ tới vận mạng con người, vì thế khi Nhan Uyên hỏi về việc trị nước thì Khổng Tử nói trước hết đến Lịch pháp "Hành hạ chi thời". Là vì Lịch số Đông Phương có bao hàm một số triết lý chính trị, do đó lịch pháp trở thành một việc quan trọng vào bậc nhất, nên đã được ghi vào đầu Kinh Thư chỗ vua Nghiêu sai hai anh em Hi, Hòa sửa lịch cho ăn khớp với Tinh, Sao, Nhật, Nguyệt. Thiết lập ra tháng nhuận để cho năm đi sát với bốn mùa. "**Mệnh Hi Hòa trị lịch tượng, Trí nhuận pháp định tứ thời**" ** (Nghiêu điển tiết 8).

Kể tới vua Thuấn cũng chăm lo việc sửa lịch ngay từ buổi lên ngôi như đã nói ở trên.

Và tội lớn nhất là bỏ bê trễ việc "trị lịch minh thời". Con cháu Hi Hòa bị chinh phạt chỉ vì bỏ trễ không báo trước được nhật-thực. Với người Đông Phương việc ngắm trời mà "minh thời" được coi như việc tự nhiên. Cho nên việc bỏ trễ việc trị lịch tức cũng là phạm tới luật thiên nhiên vậy. Đây là lý do sâu xa giải nghĩa sự quan trọng mà mỗi triều đại đều đề vào việc "**trị lịch minh thời**" Mỗi lần thay đổi triều đại đều có việc cải cách lịch được coi như phần trọng đại nhất của lễ

tấn phong cho vua mở triều đại mới nhận lãnh sứ-mệnh đứng ra chấp chánh, và vì thế khi các chư hầu nhận lịch thì tức là bỏ dấu truy nhận quyền và thuận phục triều đại mới.

Bởi vậy ở mỗi đầu mỗi triều đại có sự cải cách lịch gọi là cải chế hay cải chính. Sự cải cách được thiết lập ra không những nhằm mục đích ích-dụng của lịch số hợp thời tiết cho việc làm ăn nhưng còn hàm tàng một triết lý được trình bày trong quẻ cách như sau: "Quẻ cách là cốt làm cho mình mỗi ngày trở nên đáng được tín nhiệm, được rõ ràng cho mọi người ưa thích (ủng hộ) như trời có Xuân Thu 4 mùa vận hành thay đổi, thì vua Thang vua Vũ theo đó làm cách mạng để trên thuận với trời mà dưới ứng đối với nguyện vọng của dân. Xem thế đủ biết cái nghĩa của thời cách lớn lao thay. Tượng quẻ cách là trong đầm có lửa, Quân tử coi đó mà sửa sang lịch sao cho 4 mùa được rõ rệt phân minh." ** **Trạch trung hữu hỏa: quân tử dĩ trị lịch minh thời.** Như thế là việc "cách mạng" đặt trên căn bản tinh thần rõ rệt: cho mình ngày ngày trở nên trung thực. Đó mới là triết-lý của Việt Nho.

Sau này Hán Nho đã để cho óc pháp môn ma thuật tràn lan vào, khiến việc cải chế lịch số bị hướng dẫn do niềm tin-tưởng rằng cái đức của triều đại trước đã hết hợp thời, đã cạn, nên cần thay đổi đức mới, gọi là cải chế, nhưng thực ra thì sự cải chế đó thu gọn vào việc sửa đổi sắc áo, sắc xe và ngày đầu năm, nghĩa là những chi tiết vụn vặt mà bỏ bê cốt tủy. Điều đó Kinh dịch quẻ Cách kêu là "**Bao biến**"** với nghĩa "**tiểu hơn cách diện**" (hào 6) ** tức đổi có bên ngoài, ngược với "**Hồ biến**"** ở hào 5 tức biến đổi nền tảng kiểu "**Đại hơn hồ biến**"**.

Vì thế mà tuy tính tự Hán Vũ Đế năm 104 tr d.l. đời Mãn Thanh, lịch pháp cải cách cả thảy 46 lần: Nhà nguyên có lịch Thụ-thời, nhà Tống có lịch Thông-thiên, nhà Minh, nhà Thanh có lịch Sùng-trinh và Thời-hiến... Nhưng nền triết ẩn sâu bên trong đã bị quên đi hết. Mặc dầu bề ngoài thì vẫn theo lịch nhà Hạ, tức là nền văn hóa Việt-Nho mà nhà Hạ đã thấm nhuần.

Vua Đại Vũ nhà Hạ là người đã đi lối Nhân bản Tâm linh biểu thị bằng câu chuyện đào sâu sông "**Tuấn Xuyên**" cho nước chảy ra biển có nhắc đến ở đầu chương Hồng Phạm. Đó là vua Hạ Vũ biết "**Tuấn Triết**" tức là nhân mạnh yếu tố hơn. Về sau đến nhà Thương chú trọng khía cạnh Thiên (Thiên khai ư Tí) lấy cung Tí làm đầu năm, rồi đến Nhà Châu chú trọng Địa, khởi đầu năm ở cung Sửu cũng trở nên loạn xạ: Ba kiểu lịch chen chân nhau không ai hiểu được ý nghĩa nữa. Cho đến đời Khổng Tử mới lại lần ra mối Truyền-Thống và ghi lại trong câu hầy dùng lịch nhà Hạ "**Hành Hạ chi thời**". Ngày nay khi muốn phục hồi Truyền Thống chúng ta cần tìm hiểu "**Hành Hạ chi thời**" có ý nghĩa như thế nào.

Nhà Hạ 2205 trước d.l. vì kế cận với vua Thuấn vào năm 2255 và vua Nghiêu 2256 nên còn giữ được tinh thần Truyền Thống ghi ở đầu Kinh Thư Nghiêu Điển. Đây là giai đoạn mà De Saussure quen gọi là thời đại sáng tạo "La grande époque créatrice" vì đã làm ba việc rất lớn chưa đâu làm nổi.

- ***Một là đã đạt độ Chính xác nhất về quãng dài của một năm.**
- ***Hai là đưa ra nột khởi-diểm năm Hợp lý nhất.**
- ***Ba là do đó biểu lộ được tính cách Nhân bản tối đa.**

7.- Thái độ Thời Trung (Tiết XII)

” Thái độ này cũng có thể gọi là toàn diện, không phải là tự phụ biết khắp, nói lên được tất cả mọi chiều kích của sự vật, nhưng toàn diện theo nghĩa không tiên thiên đẩy ra ngoài khía cạnh nào, nhưng sẵn sàng chấp nhận tất cả bằng cách hướng vào trung tâm. Như vậy, nó có hai yếu tố: **vừa sẵn sàng với cả các khía cạnh ngoại tại, thế mà vẫn hướng vào nội tâm.** Nét thứ hai này mới là đặc điểm và tích cực, chứ như nét thứ nhất thì chung với nhiều chủ thuyết vẫn tuyên bố cởi mở. Tuy nhiên tuyên bố là một chuyện, còn làm thế nào để hiện thực được mới là khó và đó mới là đặc điểm của thái độ Thời Trung.

Gọi thế vì nó cố gắng đi tận căn cơ của thời gian, và một khi đạt thì tự nhiên là tiếp cận được với mọi mảnh vụn thời gian nhỏ bé, trở thành mềm dẻo có khả năng thu tóm cái lợi gầy bỏ cái hại.

Không nhất thiết hướng vào một khoảnh khắc nào: dĩ vãng, hiện tại, tương lai: nhưng cố gắng lặn sâu vào đến vòng trong của thời sinh để thông giao được với cả ba "Quãng", để thấu nhận những cái hay bỏ cái dở. Với dĩ vãng thì kinh nghiệm người xưa không để gì thái bỏ, mà hà tất phải thái bỏ hết. Vậy thì nên có một thái độ dứt khoát để cái gì còn có lợi thì cứ thấu nhận: "Tín nhi hiếu cổ". Đứng trước những sự kiện đã rồi hoặc không thể tránh khỏi. Không thương cho là tại mệnh "Mệnh hĩ phù". Chúng ta nhận ra thái độ đó có lợi, để tâm hồn thanh thoát lo việc hiện tại. Để lòng sâu muôn ray rút trước việc không thể tránh, hoặc đã rồi, chỉ làm giảm sút sinh lực khiến cho sự "hiện diện trong vũ trụ" kém phần hiệu nghiệm. Do đó dĩ vãng có thể qui cho địa, hoặc nói chung là thiên địa tức là không còn trong quyền lực của con người nữa, nên nói: "mệnh hĩ phù". Trong Nho giáo cũng có khía cạnh định mệnh nhưng là đối với việc đã qua hoặc không thể khác được.

Còn đối với Hiện tại thì luôn luôn được coi là phạm vi của Tài Nhân: người phải làm việc tận lực, bất tức nên cũng gọi là sống cho tận cùng cái "Đây, Bây" cái hiện tại miên trường bằng cả mọi cơ năng con người ý, tình, chí. Chúng ta biết đối với dĩ vãng cũng như tương lai chỉ thể sống được có ý tình thiếu chí, nói khác thiếu không gian và thời gian thì không thể nói ở đây và bây giờ như khi nói về hiện tại. Và do đó chỉ có hiện tại ta mới sống trọn vẹn được. Đó cũng là ý những câu như: "**Tận nhân lực nhi qui thiên số**". Tuy có chấp nhận thiên số như dĩ vãng hoặc là tương lai, nhưng không đầu hàng, mà trước hết hãy làm cho hết cái chỗ mình đã làm đã, rồi sau đó mới "qui thuận thiên số".

Đây là một sự hiện-diện ở đời hữu hiệu nhất, vì thực tế nhất: không nói con người làm nên lịch sử, nói thể là nhắm mắt trước thực tại bao la của vũ trụ. Cũng không theo định mệnh đầu hàng trước ngoại lực, nhưng là quân bình với quan niệm tam tài có thể nói:

- * **Địa chủ Dĩ vãng.**
- * **Thiên nắm Tương lai,**
- * **Nhân chủ Hiện tại,**

mà tận lực ở đây là đi sâu vào thời gian hiện tại cho đến căn cơ, để có thể tùy thời chấp nhận mọi cảnh huống, để cho trong bất cứ cảnh nào, con người cũng vẫn còn giữ được chủ quyền, làm cho đời sống trở thành hăng say, sống quên lo Âu, quên cả già: với thái độ an nhiên tự tại "**quân tử thân đẳng đẳng**" và "**quân tử vô nhập nhi bất tự đắc yên**" **:T.D. Đó là hậu quả của thái độ sống thời trung với khẩu hiệu "**thời thế chi nghi**" **. Tức áp dụng ngoại hay nội tùy nghi. Ngoại là vòng ngoài có dĩ vãng, hiện tại tương lai; còn nội là vòng trong với hiện tại miên trường hòa

hợp tất cả thời gian. Vì thế nho giáo đề cao nhạc là nghệ thuật giàu chất hòa chất hợp. Dùng lễ nhạc mà điều hòa đời sống và tránh những chân lý bị bằng sắt, nhưng đem vào những chân lý co giãn như cao su theo kiểu nói của Gusdorf (Morale28). Granet nhận xét: "Không hề bao giờ đưa nguyên lý mâu thuẫn lên địa vị chỉ huy ở bậc triết lý" "Ne jamais elever en dignité philosophique le principe de contradiction". Mâu thuẫn chỉ được nhìn nhận là có, nhưng không thuộc bị phụ ngoại diện vòng ngoài chứ không được coi là nòng cốt. Nòng cốt vòng trong phải là Hiện tại miên trường để có thể "**đĩ hòa vi quý**" chứ không có "**đĩ đấu tranh vi chủ**". Học giả Herbert nhận xét "Trung Hoa cũng như Việt nam nhằm tổ chức xã hội cho thật hòa hợp, còn có cá nhân để tự do tùy ý thích cá đời sống mình với khung cảnh của xã hội. Trong những miền chịu ảnh hưởng của triết cổ điển tây phương thì vì quá bám đĩ vãng nên luân lý xuất hiện nhất là trên bình diện pháp lý hoặc bán pháp lý, bằng những truyền khiến, cấm ngăn đủ loại tràn ngập tất cả đời sống (Intro.à l'Asie éd. Michel. 1960 p.43.)

Đây không phải là một sự tình cờ, nhưng là di sản tinh thần của các vị hiền triết, trong đó có Khổng Tử mà đời sau này đã tặng danh hiệu là "Thánh chi thời"

Mạnh Tử nói: "Bá Di là thánh chi Thanh, để giữ tám băng tâm thì xuất thế không chịu nhượng bộ. Y Doãn là thánh chi Nhiệm nhập thế, để hết toàn tâm tâm vào thời cuộc. Liễu-Hạ-Huệ là thánh chi Hòa: duy hòa (pacifisme):= ** tri hoà nhi hoà (L.N.I. 12) nhắm mắt cầu hòa với bất cứ giá nào. Cả bằng ấy ông đều có nét duy: duy thanh, duy nhiệm duy hòa.

Khổng Tử tổng hợp lại cái hay của ba vị trên: Thanh liêm của Bá Di, óc trách nhiệm của Y Doãn, óc ôn hòa của Liễu-Hạ-Huệ. Đó là những tiếng nhạc lẻ loi được tổng hợp lại thành một bản hòa âm mà Khổng Tử là người đánh nhịp, tức được xưng là "Đại thành chí thánh tiên sư", mà tiếng chuông đồng dẫn đầu, còn tiếng khánh ngọc thì kết thúc. Tiếng chuông dẫn đầu là công việc của bậc thánh. Trí đến "trí tri". Thành sự sự đến chỗ "cách vật".

Bá Di thánh chi **Thanh** già đã
Y Doãn thánh chi **Nhiệm** già đã.
Liễu-Hạ-Huệ thánh chi **Hòa** già đã
Khổng Tử thánh chi **Thời** già đã
Khổng Tử chi vi lập đại thành.
Tập đại thành đã già.
Kim thanh chi ngọc chấn chi đã già.
Kim thanh đã già; thủy triều đã già
Ngọc chấn chi đã già, chung điều lý đã.
Thủy điều lý già, trí chi sự đã
Chung điều lý già, thánh chi sự đã". (Mạnh Tử Vb1.)

(Những tiết mục II và III đều trích trong *Chữ Thời*. Kim Định)

IV.- Kết luận

Để xác định được chính xác *Quảng Năm cùng Tử thời Bát tiết*, tiên nhân Đông Tây đã làm những công việc vô cùng phức tạp và khó khăn, không chuyên môn thì khó mà hiểu rõ được. Thường người ta cứ chặt Thời gian ra làm ba khúc: *Quá khứ*, *Hiện tại* và *Tương lai*. Tuy sống trong *Hiện tại*, nhưng người ta thường bám vào *quá khứ* vàng son mà nuối tiếc hay ôm lấy nỗi

đau buồn khổ cực mà thở than. Để tìm chút an ủi, người ta lại gửi gắm hoài vọng vào Tương lai, thành ra tuy có sống mà quên sống sung mãn trong Hiện tại thì chẳng khác nào đã chết: Tương lai thường mộng sự giàu sang, Quá khứ hay ghi những lỗ làng, còn Hiện tại thì thường khi đã quên lãng! (1):(Beautiful quotes)

Nhờ những công trình làm Lịch trên mà con người mới nhận ra, mới định vị được vị trí của mình trong Hiện tại mà vươn lên.

Theo lẽ thường khi đề cập đến Tết thì người ta chỉ chú trọng đến Vận số con người qua Năm mới theo Can Chi, để xem qua năm mới, vận số may rủi thế nào, nhất là lòng háo hức với những hội hè đình đám mà quên đi những nhọc nhằn qua ngày tháng, mà ít ai lưu tâm tới cái quan trọng của Thời tiết qua thời gian, qua từ thời bát tiết. Thời tiết chẳng qua là do ảnh hưởng của năng lượng từ mặt Trời, qua mặt Trăng cùng các Ngôi sao tạo nên Thời tiết, nó tác động lên đời sống của con người và vạn vật. Ta chỉ cảm nhận mà không thấy được Thời gian, nhưng nó lại quan trọng vô cùng đối với đời sống con người. Thuyết Tam tài giúp chúng ta nhận ra con Người - Nhân - là chủ cho Hiện tại,(Thiên cho Tương lai, Địa cho Dĩ vãng) nên Tổ tiên Việt đã chú tâm vào “ Hiện tại miên trường: ever Present “ để Vi Nhân, nếu không biết bám vào Hiện tại để Vi Nhân thì con người đã để lỡ mất tiết nhịp Làm Người giúp cho đời sống được viên mãn hơn.

Sở dĩ đất nước chúng ta ngày nay đang lâm nạn lớn là vì đa số chúng ta đã quên lãng chữ Thời để Vi Nhân, Vi Nhân là làm con người Nhân chủ nhờ biết tu dưỡng sức sống Nội Tâm. Lịch pháp cũng giúp ta nhận biết những điều đó:

“ Tóm lại: Lịch pháp Viễn Đông nói lên hai đặc tính là **Nhân chủ và Nội tâm**.

Chất Nhân chủ biểu lộ trong lối **điều hoà Nhật - Nguyệt – Tinh** để gây nên một sự hoà hợp được biểu lộ qua Trăng Sao: Làm thế nào đến ngày Rằm thì Trăng tròn, mùa đi đúng Tiết. Vi Hoà là đặc điểm của con người (Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa) . Nhờ sự hoà hợp đó mà Nhật - Nguyệt – Tinh thần đều giữ được sắc thái riêng với chức vụ riêng. Nhật coi vòng Năm, Nguyệt coi vòng Tháng, Tinh thần coi vòng Giờ và cả ba liên đới coi vòng Năm.

Câu sách Luận Ngữ (XXI) “ **Thiên chi lịch số tại nhị cung, doãn chấp kỳ trung** “ là câu rất sâu xa nhưng trong những thời đại suy chỉ được hiểu theo nghĩa ngoại kiểu lịch sử hay luân lý. Ngược lại trong thời đạo thịnh tức là thời có những hiền triết xuất hiện thì câu trên được **móc nối với Nội Tâm** để “ **Hợp Nội Ngoại chi Đạo** “ tức hiểu sát vào bản thân mỗi người và lúc đó có nghĩa là cái đầu mỗi Thời gian lịch số nằm ngay trong “ **thâm cung Lòng mào**” trong Lòng mỗi người dù mào là vua hay dân, hễ đã là người đều có cái Thiên lý, cái Thiên mệnh, cái Thiên sứ riêng của mào mà một mình mào phải hiện thực, nhưng Thiên sứ đó cũng ăn thông với Thiên mệnh mà con người ở đời có nghĩa vụ phải làm sao để biết được trực tiếp “ **tri Thiên mệnh** “ để được “ **thụ mệnh** “ được “ **Văn Đạo** “ . . . và phương pháp tốt nhất là **trở lại với cái Tâm của mào “ doãn chấp kỳ trung “ cũng gọi là Quy Tâm**, nên Lịch giúp cho việc đó gọi là Quy lịch. Quy có nghĩa là quy hồi, còn có nghĩa là ruà, vì ruà tượng trưng cho Trời Đất giao hội, tức là Tâm con người. Do đó từ lâu đã có lệ in xen vào lịch những câu châm ngôn, những câu phong giao, tục ngữ nhằm đưa triết lý thấu nhập vào đời sống, đưa Đạo vào Đời để cho mỗi người thực hiện ý nội của câu “ **Doãn chấp kỳ trung**”.

(Quy Lịch. Chữ Thời. Kim Định)

Là một trong Tam tài, mà Người là Tài “ Nhân linh ư vạn vật “, nên phải tiến lên trong ba đợt:

“ Một là **con người chất thể** chung với con vật lo về ăn, mặc, ở và làm, cốt để giữ đời sống sinh lý hoàn toàn ngoại vi.

Thứ đến **con người Văn hoá** lo về Lý trí, Tâm tình, Văn học, Nghệ thuật, Thi ca, Nhạc, Họa. . . Đây là đợt riêng biệt cho con người.

Đợt ba **con người Tâm linh** lo đi đến chỗ “ chí Thành như Thần” . Con người siêu lên đợt trên hoàn toàn Nội tâm, con mắt không thấy được, nên cũng gọi được là Vô, là Trống, như ta có thể thấy rõ trong Trống Đồng có 3 vòng Thiên, Địa, Nhân này. Người lý tưởng phải gồm được cả ba. Tuy đợt chất thể là chung với con vật, nhưng không được khinh khi.

Văn hoá trọn vẹn phải lo cho mọi người no đủ, vì đói thì chẳng làm được gì về Văn hóa Văn học cả, nên Văn hoá nào không móc nối con người sinh lý là nền Văn hoá nguy hại, nhất là làm cho con người mất khả năng mở lên đợt ba thì rõ ràng là thiếu nguyên lý Mẹ, mà nguyên lý Mẹ (Trọng Tình hơn Lý) rất dễ mất, vì là đợt ẩn sâu trong tâm hồn.” (*Thái Bình Minh Triết. Kim Định. Tr.46 – 47*)

Nhân dịp Năm hết Tết đến, chúng tôi xin kính lời chúc Tết Đồng bào khắp nơi: “ Một mùa Xuân mới với nhiều Đổi mới cả Vật chất lẫn Tinh thần”, và xin chuyển lại lời Tâm huyết của Cụ Sào Nam Phan Bội Châu tới Thanh niên Việt khắp nơi trên thế giới để cùng toàn dân Việt Nam nhịp theo Vận hội mới để tu dưỡng Nội lực mà vùng lên vực dậy! Vì quên Hiện tại, nên dân ta đã chìm đắm trong giấc ngủ mê dài, nên Chí sĩ Sào Nam đã có những lời Chúc Tết thiết tha đến thành phần Thanh niên là rường cột của nước nhà để mong thức tỉnh lại. Thiết tưởng ngày nay, không riêng gì Thanh niên mà ngay cả mọi người dân VN nên nhắc nhở nhau, để xin bất cứ ai ai trong chúng ta có dịp đọc kỹ lại lời Tâm huyết sau để Quy tư mà xét lại mình xem sao. Đây là dịp Đồng Tâm mà Cụ Phan hằng mong đợi.

Chúc Tết Thanh Niên

Phan Bội Châu

“ Dậy ! Dậy ! Dậy !

Bên án một tiếng gà vừa gáy
Chim trên cây liền ngó ý chào mừng
Xuân ơi xuân, Xuân có biết cho chăng?
Thẹn cùng Sông, buồn cùng Núi, tủi cùng Trăng
Hai mươi lẻ đã từng bao chua với xót
Trời Đất may còn thân sống sót
Tháng ngày khuấy khỏa lũ đầu xanh
Thưa các Cô, các Cậu lại các Anh
Trời đổi mới, Người càng nên đổi mới
Mở mắt thấy rõ ràng”**Tân vận hội”**
Ghé tay (vai) vào xóc vác cứu Giang san
Đi cho êm, đứng cho vững, trụ cho gan
Dây Đoàn thể quyết phen thành nghiệp lại
Ai hữu chí từ nay xin gắng gỏi
Cởi lột xưa mà Tu dưỡng lấy Tinh thần
Chẳng thềm chơi, chẳng thềm mặc, chẳng thềm ăn
Đúc gan sắt để đời non lập bệ
Xối máu nóng để rửa vết dơ nô lệ

Mới thế này mới là mới hỡi chư quân

Chữ rằng: Nhật tân, Nhật tân, hữu Nhật tân.”

Việt Nhân trích dẫn

(1): *Beautiful Quotes*

Never think Hard about PAST,
It brings Tears...
Don't think more about FUTURE,
It brings Fears...
Live THIS MOMENT (ever Present) with a Smile,
It brings Cheers.

Every test in our life makes us bitter or better,
Every problem comes to make us or break us,
Choice is our whether we become victim or victorious

Search a beautiful heart not a beautiful face.
Beautiful things are not always good,
but good things are always beautiful.

Tạm dịch

*Đừng nghỉ lao lung về Quá khứ để cho Nước mắt tuôn rơi
Cũng chẳng kỳ vọng nhiều vào Tương lai để đâm ra Lo sợ
Cứ bám vào Hiện tại miên trường với nụ cười thanh thản là điều cố võ nên theo
Mỗi thử thách ở đời giúp cho chúng ta có dịp nếm mùi đắng cay hay bùi ngọt
Mỗi một nan đề tới có thể làm cho chúng ta đứng vững hay ngã nghiêng
Sự lựa chọn có thể làm cho chúng ta trở thành kẻ chiến thắng hay người chiến bại,
Hãy ra công tìm một cõi Lòng Tốt hơn là một Diện mạo Đẹp.
Những thứ Đẹp chưa chắc luôn luôn Tốt, nhưng những thứ Tốt thì lại luôn luôn Đẹp.*

-----/-----